

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai**
(trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai)

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 34

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai) ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười ba (13) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai có tỷ lệ sở hữu là 91,17% vào ngày 31 tháng 12 năm 2012. Công ty có 7 công ty con và 1 công ty liên kết được trình bày trong Thuyết minh số 10.

Vào ngày 3 tháng 4 năm 2015, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900712753 – điều chỉnh lần thứ mười một, chấp thuận việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai thành Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

Hoạt động chính được đăng ký trong năm của Công ty là trồng và kinh doanh cao su và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên	
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Sự	Thành viên	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Trương Ngọc Thành	Thành viên	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Trần Quốc Huy	Thành viên	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Lê Hồng Phong	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Bà Đào Định Phương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Đỗ Văn Hải	Trưởng Ban	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Bà Huỳnh Thị Lan Hồng	Thành viên	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Bà Trương Thị Mỹ Nguyệt	Thành viên	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám Đốc vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Trịnh Xuân Nhân	Giám đốc	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Phan Thanh Thủ	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Giám đốc	
Ông Trịnh Xuân Nhân	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Hoàng Đình Quý	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Quan Anh	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Võ Nguyễn Công Bửu	Phó Giám đốc	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Mai Đình Hồng	Phó Giám đốc	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Đinh Văn Dũng	Phó Giám đốc	từ nhiệm ngày 12 tháng 7 năm 2014

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Xuân Thắng	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Trịnh Xuân Nhân	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai) ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 10.1 và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Nguyễn Xuân Thắng
Giám đốc

Ngày 10 tháng 6 năm 2015

Số tham chiếu: 60752790/17821943

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai) (“Công ty”) được lập ngày 10 tháng 6 năm 2015 và được trình bày từ trang 6 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng, trong đó trình bày việc Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Công ty đã lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 19 tháng 4 năm 2013 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày như số liệu tương ứng, chưa được kiểm toán.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1



Đoàn Thị Thu Thủy
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1070-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 6 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (chưa kiểm toán)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.108.271.091	1.681.079.399
110	I. Tiền và tương đương tiền	4	1.452.863.327	352.166.849
111	1. Tiền		1.152.863.327	352.166.849
112	2. Các khoản tương đương tiền		300.000.000	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.649.188.400	1.316.745.305
131	1. Phải thu khách hàng	5	13.978.395	5.213.478
132	2. Trả trước cho người bán		61.000	14.269.679
135	3. Các khoản phải thu khác	6	2.635.149.005	1.297.262.148
140	III. Hàng tồn kho	7	1.014.402	10.045.198
141	1. Hàng tồn kho		1.014.402	10.045.198
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		5.204.962	2.122.047
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.795.647	551.320
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		3.409.315	1.570.727
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.973.818.277	2.493.049.101
220	I. Tài sản cố định		19.349.849	20.745.987
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	19.083.281	20.412.777
222	Nguyên giá		25.545.820	23.354.383
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.462.539)	(2.941.606)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	266.568	333.210
228	Nguyên giá		333.210	333.210
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(66.642)	-
250	II. Khoản đầu tư dài hạn		3.933.660.391	2.471.903.181
251	1. Đầu tư vào các công ty con	10.1	3.723.285.984	2.308.899.468
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	10.2	210.374.407	163.003.713
260	III. Tài sản dài hạn khác		20.808.037	399.933
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	20.808.037	399.933
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.082.089.368	4.174.128.500

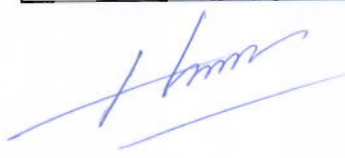
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (chưa kiểm toán)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		3.124.038.333	686.246.903
310	I. Nợ ngắn hạn		77.891.386	115.179.050
312	1. Phải trả người bán	12	1.121.459	4.785.172
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		145.309	2.559.203
315	3. Phải trả người lao động		1.563.995	480.710
316	4. Chi phí phải trả	13	8.111.171	873.030
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	66.949.452	106.480.935
330	II. Nợ dài hạn		3.046.146.947	571.067.853
334	1. Vay và nợ dài hạn	15	3.046.146.947	571.067.853
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.958.051.035	3.487.881.597
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	4.958.051.035	3.487.881.597
411	1. Vốn cổ phần		3.646.853.464	2.889.788.864
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.295.347.000	576.747.000
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15.850.571	21.345.733
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.082.089.368	4.174.128.500

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (chưa kiểm toán)
Ngoại tệ - Đô la Mỹ (USD)	558,17	552,91


Nguyễn Thị Hải Yến
Người lập


Đỗ Văn Hải
Kế toán trưởng





Nguyễn Xuân Thắng
Giám đốc

Ngày 10 tháng 6 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	22.700.592	45.891.347
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		(22.700.592)	(45.561.691)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	329.656
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	18	31.001.531	42.709.234
22	5. Chi phí hoạt động tài chính	19	(17.194.205)	(416.667)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(16.501.631)	(416.667)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(18.868.726)	(12.124.886)
30	7. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.061.400)	30.497.337
31	8. Thu nhập khác		3.014.473	2.504.202
32	9. Chi phí khác		(3.014.473)	(2.372.819)
40	10. Lợi nhuận khác		-	131.383
50	11. Tổng (lỗ) lợi nhuận trước thuế		(5.061.400)	30.628.720
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20	(211.762)	(5.754.133)
60	13. (Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế		(5.273.162)	24.874.587


Nguyễn Thị Hải Yến
Người lập


Đỗ Văn Hải
Kế toán trưởng


Nguyễn Xuân Thắng
Giám đốc

Ngày 10 tháng 6 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012


Ngàn VNĐ

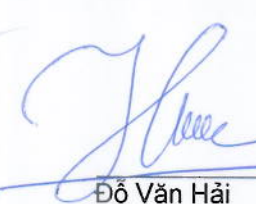
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng (lỗ) lợi nhuận trước thuế		(5.061.400)	30.628.720
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	8, 9	3.816.448	2.850.697
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(31.001.531)	(42.709.234)
06	Chi phí lãi vay	19	16.501.631	416.667
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(15.744.852)	(8.813.150)
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		662.704.003	(15.137.172)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		9.030.796	(10.029.198)
11	Giảm các khoản phải trả		(32.953.931)	(326.141.034)
12	Tăng chi phí trả trước		(20.408.104)	(399.933)
13	Lãi vay đã trả		(9.263.490)	(416.667)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20	(2.609.656)	(3.228.164)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(913.300)	(995.378)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		589.841.466	(365.160.696)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(3.466.586)	(9.774.362)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		1.046.276	595.111
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(1.150.042.896)	(571.940.882)
24	Tiền thu hồi cho vay		40.351.866	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.461.734.228)	(1.651.968.542)
27	Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi		33.659.863	38.625.901
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(2.540.185.705)	(2.194.462.774)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền nhận góp vốn của chủ sở hữu		583.664.600	2.264.546.939
33	Tiền vay đã nhận		3.562.200.970	647.185.538
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.094.824.853)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.051.040.717	2.911.732.477


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
50	Tăng tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm		1.100.696.478	352.109.007
60	Tiền đầu năm		352.166.849	57.842
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	1.452.863.327	352.166.849


Nguyễn Thị Hải Yến
Người lập


Đỗ Văn Hải
Kế toán trưởng


Nguyễn Xuân Thắng
Giám đốc



Ngày 10 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai) (“Công ty”) được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười ba (13) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai có tỷ lệ sở hữu là 91,17% vào ngày 31 tháng 12 năm 2012. Công ty có 7 công ty con và 1 công ty liên kết được trình bày trong Thuyết minh số 10.

Vào ngày 3 tháng 4 năm 2015, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900712753 – điều chỉnh lần thứ mười một, chấp thuận việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai thành Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

Hoạt động chính được đăng ký trong năm của Công ty là trồng và kinh doanh cao su và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 282 (ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 104)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam (“Ngàn VNĐ”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 10.1 và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đã được phát hành riêng rẽ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VNĐ").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, bên cạnh việc tiếp tục áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ("CMKTVN số 10") như trong các năm trước, Công ty bắt đầu thực hiện Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179").

Theo Thông tư 179, tại thời điểm cuối năm, các khoản tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản. Trong năm 2011, Công ty sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính để thực hiện việc quy đổi này.

Thông tư 179 được áp dụng từ năm 2012 trên cơ sở phi hồi tố. Ảnh hưởng của việc thay đổi từ sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng sang sử dụng tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại trong việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm đến các báo cáo tài chính riêng vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là không trọng yếu, xét trên khía cạnh tổng thể.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	- Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận chuyển	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ theo thời hạn trái phiếu.

3.10 *Các khoản đầu tư*

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo giá mua thực tế trừ đi dự phòng. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Công ty áp dụng hướng dẫn theo CMKTVN số 10 liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các năm trước. Bên cạnh CMKTVN số 10, bắt đầu từ năm 2012, Công ty áp dụng Thông tư 179 đối với các nghiệp vụ ngoại tệ như được trình bày trong Thuyết minh 3.1.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế, hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009, hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản cho vay.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ, vay và trái phiếu.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (chưa kiểm toán)</i>
Tiền mặt tại quỹ	169.661	137.048
Tiền gửi ngân hàng	1.152.693.666	352.029.801
Các khoản tương đương tiền	300.000.000	-
TỔNG CỘNG	1.452.863.327	352.166.849

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (chưa kiểm toán)</i>
Phải thu bán bên thứ ba	10.010.000	3.910.500
Phải thu bán bên liên quan (<i>Thuyết minh số 21</i>)	3.968.395	1.302.978
TỔNG CỘNG	<u>13.978.395</u>	<u>5.213.478</u>

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (chưa kiểm toán)</i>
Phải thu khác bên liên quan (<i>Thuyết minh số 21</i>)	2.632.021.832	1.292.167.944
Phải thu khác bên thứ ba	3.127.173	5.094.204
TỔNG CỘNG	<u>2.635.149.005</u>	<u>1.297.262.148</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (chưa kiểm toán)</i>
Hàng hóa	945.200	10.045.198
Chi phí sản xuất dở dang	54.622	-
Công cụ, dụng cụ	14.580	-
TỔNG CỘNG	<u>1.014.402</u>	<u>10.045.198</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

8. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Ngàn VNĐ
Nguyên giá					
Số dư đầu năm (chưa kiểm toán)	-	18.353.820	4.447.956	552.607	23.354.383
Mua sắm mới	278.624	1.683.973	1.221.145	282.844	3.466.586
Thanh lý	-	(1.275.149)	-	-	(1.275.149)
Số dư cuối năm	278.624	18.762.644	5.669.101	835.451	25.545.820
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm (chưa kiểm toán)	-	(2.346.894)	(432.675)	(162.037)	(2.941.606)
Hao mòn trong năm	(24.767)	(2.955.362)	(571.270)	(198.407)	(3.749.806)
Thanh lý	-	228.873	-	-	228.873
Số dư cuối năm	(24.767)	(5.073.383)	(1.003.945)	(360.444)	(6.462.539)
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm (chưa kiểm toán)	-	16.006.926	4.015.281	390.570	20.412.777
Số dư cuối năm	253.857	13.689.261	4.665.156	475.007	19.083.281

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VNĐ</i>
	<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá	
Số dư đầu năm (<i>chưa kiểm toán</i>)	<u>333.210</u>
Số dư cuối năm	<u>333.210</u>
Hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm (<i>chưa kiểm toán</i>)	-
Hao mòn trong năm	<u>(66.642)</u>
Số dư cuối năm	<u>(66.642)</u>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm (<i>chưa kiểm toán</i>)	<u>333.210</u>
Số dư cuối năm	<u><u>266.568</u></u>

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

10. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

10.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 31 tháng 12 năm 2012		Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (chưa kiểm toán)	
			Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc Ngàn VNĐ	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc Ngàn VNĐ
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Nông nghiệp	Trước hoạt động	100,00	948.224.878	100,00	695.971.314
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Nông nghiệp	Trước hoạt động	100,00	909.883.615	100,00	886.371.115
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai (i)	Nông nghiệp	Trước hoạt động	80,00	674.343.450	55,00	156.627.770
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Nông nghiệp	Trước hoạt động	99,83	498.957.073	99,76	283.795.098
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk (ii)	Bát động sản và nông nghiệp	Đang hoạt động	99,40	370.374.238	85,30	156.818.091
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Nông nghiệp	Trước hoạt động	100,00	192.186.650	-	-
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Nông nghiệp	Đang hoạt động	64,66	129.316.080	64,66	129.316.080
TỔNG CỘNG				3.723.285.984		2.308.899.468

(i) Công ty đã mua thêm 25% quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai, công ty con hiện hữu, từ các cổ đông thiểu số, tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai từ 55% lên 80%.

(ii) Công ty đã mua thêm 13,23% quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk, công ty con hiện hữu, từ các cổ đông thiểu số, tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk từ 85,30% lên 98,53%. Sau đó, Công ty góp thêm 0,87% quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Đắk Lắk, tăng tỷ lệ sở hữu lên 99,40%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

10. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

10.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 12 năm 2012		Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (chưa kiểm toán)	
		Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị ghi sổ Ngàn VNĐ	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị ghi sổ Ngàn VNĐ
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	39,63	210.374.407	32,68	163.003.713

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (chưa kiểm toán)
Chi phí phát hành trái phiếu	20.541.870	-
Công cụ, dụng cụ	266.167	399.933
TỔNG CỘNG	20.808.037	399.933

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (chưa kiểm toán)
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 21)	1.081.459	4.065.344
Phải trả bên thứ ba	40.000	719.828
TỔNG CỘNG	1.121.459	4.785.172

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả thể hiện khoản trích trước chi phí lãi vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (chưa kiểm toán)
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 21)	66.920.722	106.460.276
Khác	28.730	20.659
TỔNG CỘNG	66.949.452	106.480.935

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Ngân VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (chưa kiểm toán)
Trái phiếu kèm chứng quyền (Thuyết minh số 15.1)	2.000.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 15.2)	675.995.594	571.067.853
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 15.3 và 21)	370.151.353	-
TỔNG CỘNG	3.046.146.947	571.067.853

15.1 Trái phiếu kèm chứng quyền

Vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 2.000 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100 triệu VNĐ) do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBS") thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm và được ân hạn thêm 1 năm. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (3) tháng một lần với lãi suất là 11,37%/năm cho ba (3) kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi kỳ hạn từ một đến dưới mười hai (12) tháng của Ngân hàng Nhà nước ("SBV") bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 3%/năm. Trong trường hợp SBV hủy bỏ quy định về lãi suất tối đa đối với tiền gửi có kỳ hạn từ một đến dưới mười hai (12) tháng, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm của cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng trả lãi cuối kỳ của VPBS bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 3%/năm. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital ("ECS") căn cứ theo các hợp đồng vào ngày 7 tháng 12 năm 2012, ngày 25 tháng 12 năm 2012 và ngày 27 tháng 12 năm 2012 với số tiền thu được là 750 tỷ VNĐ, 450 tỷ VNĐ và 800 tỷ VNĐ. Như vậy, tổng số tiền thu được từ các hợp đồng bán trái phiếu này là 2.000 tỷ VNĐ. Mục đích phát hành trái phiếu này là để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc 28.173 ha cao su tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 9.470 ha cọ dầu tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 25.000 ha cao su và cọ dầu tại tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 5.000 ha cao su tại tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 3.000 ha mía tại tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; tái cấu trúc nợ vay của Công ty và bổ sung vốn lưu động và đầu tư cho các dự án khác của Công ty. Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 143 triệu cổ phiếu của Công ty được nắm giữ bởi Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, công ty mẹ.

Ngoài ra, mỗi trái phiếu phát hành kèm theo một chứng quyền và các chứng quyền này sẽ được coi là chứng khoán hoàn toàn độc lập với các trái phiếu ngay sau khi được phát hành. Mỗi chứng quyền sẽ cho phép người nắm giữ có quyền mua một số lượng cổ phần của Công ty tương đương với 0,000775% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền và theo nguyên tắc là tất cả các chứng quyền trong đợt phát hành này nếu được thực hiện toàn bộ sẽ luôn đảm bảo cho những người sở hữu chứng quyền quyền sở hữu đối với 15,5% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền. Thời hạn thực hiện quyền mua cổ phần theo chứng quyền là bốn (4) năm kể từ ngày phát hành chứng quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Khoản vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết của khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Tài sản thế chấp
<i>Ngàn VND</i>				
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Gia Lai</i>				
Hợp đồng vay số 01/2010/HĐ-TD, ngày 1 tháng 4 năm 2010	<u>675.995.594</u>	Hoàn trả trong vòng 130 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 28 tháng 4 năm 2010)	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng Đô la Mỹ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,7%/năm	Dự án trồng 10.000 ha cao su tại tỉnh Attapeu, Lào của các công ty con

Khoản vay này được sử dụng chủ yếu để tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su và mua sắm máy móc thiết bị của các công ty con tại Lào.

15.3 Các khoản vay dài hạn bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay dài hạn bên liên quan như sau:

Bên cho vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Thời hạn thanh toán	Lãi suất
<i>Ngàn VND</i>			
<i>Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, Công ty mẹ</i>			
Hợp đồng vay số 20082012/HĐV-HAGL ngày 20 tháng 8 năm 2012	150.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	16%/năm
Hợp đồng vay số 05/2012/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 4 năm 2012	120.872.953	60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	Từ 14% đến 17%/năm
Hợp đồng vay số 02/2011/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 12 năm 2011	99.278.400	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	19,9%/năm
TỔNG CỘNG	<u>370.151.353</u>		

Các khoản vay bên liên quan là các khoản vay tín chấp được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty và các công ty con.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngàn VNĐ
Năm trước				
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2011 (chưa kiểm toán)	484.571.925	-	(3.528.854)	481.043.071
Vốn góp trong năm				
Trong đó:				
Góp bằng tiền	2.264.546.939	-	-	2.264.546.939
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây Dựng và Phát Triển Nhà Hoàng Anh (*)	140.670.000	576.747.000	-	717.417.000
Lãi thuần trong năm	-	-	24.874.587	24.874.587
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2011 (chưa kiểm toán)	2.889.788.864	576.747.000	21.345.733	3.487.881.597
Năm nay				
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2012 (chưa kiểm toán)	2.889.788.864	576.747.000	21.345.733	3.487.881.597
Vốn góp trong năm				
Trong đó:				
Góp bằng tiền	583.664.600	-	-	583.664.600
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây Dựng và Phát Triển Nhà Hoàng Anh (**)	173.400.000	718.600.000	-	892.000.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	(5.273.162)	(5.273.162)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(222.000)	(222.000)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2012	3.646.853.464	1.295.347.000	15.850.571	4.958.051.035

(*) Công ty đã phát hành mới 14.067.000 cổ phiếu tương đương 3,53% vốn cổ phần của mình cho các cổ đông thiếu số của Công ty Cổ phần Xây Dựng và Phát Triển Nhà Hoàng Anh ("HAH") để hoán đổi 14.067.000 cổ phiếu hiện hữu tương đương 7,03% nguồn vốn của HAH do các cổ đông thiếu số này nắm giữ vào ngày 14 tháng 12 năm 2011.

(**) Công ty đã phát hành mới 17.340.000 cổ phiếu tương đương 4,34% vốn cổ phần của mình cho các cổ đông thiếu số của HAH để hoán đổi 17.340.000 cổ phiếu hiện hữu tương đương 8,67% nguồn vốn của HAH do các cổ đông thiếu số này nắm giữ vào ngày 14 tháng 12 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Chi tiết vốn cổ phần của chủ sở hữu

Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh			Vốn cổ phần đã góp Ngàn VNĐ
	Số cổ phần	Ngàn VNĐ	%	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	363.810.000	3.638.100.000	91,17	3.331.783.464
Cổ đông khác	35.257.000	352.570.000	8,83	315.070.000
TỔNG CỘNG	399.067.000	3.990.670.000	100	3.646.853.464

16.3 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (chưa kiểm toán)
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	399.067.000	399.067.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	364.685.346	288.978.886
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	364.685.346	288.978.886
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	364.685.346	288.978.886
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	364.685.346	288.978.886

17. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG HÓA VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Ngàn VNĐ Năm trước (chưa kiểm toán)
Doanh thu thuần	22.700.592	45.891.347
<i>Trong đó :</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	13.216.131	41.408.146
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	9.484.461	4.483.201

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Ngàn VNĐ Năm trước (chưa kiểm toán)
Lãi cho vay các bên liên quan	21.872.093	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.129.438	42.709.234
TỔNG CỘNG	31.001.531	42.709.234

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Ngàn VNĐ Năm trước (chưa kiểm toán)
Lãi vay ngân hàng và lãi trái phiếu	16.501.631	416.667
Chi phí phát hành trái phiếu	692.574	-
TỔNG CỘNG	17.194.205	416.667

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 25% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với (lỗ) lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Ngàn VNĐ Năm trước (chưa kiểm toán)
(Lỗ) lợi nhuận trước thuế	(5.061.400)	30.628.720
<i>Các điều chỉnh</i>		
Điều chỉnh doanh thu tính thuế	4.083.333	(4.083.333)
Chi phí không được khấu trừ	1.492.113	-
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cân trừ lỗ năm trước	514.046	26.545.387
Lỗ các năm trước chuyển sang	-	(3.528.854)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành sau cân trừ lỗ năm trước chuyển sang	514.046	23.016.533
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	128.512	5.754.133
Thuế TNDN trích thiếu các năm trước	83.250	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong năm	211.762	5.754.133
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	2.525.969	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(2.609.656)	(3.228.164)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	128.075	2.525.969

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

21. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Góp vốn	583.664.600
		Chuyển cổ phiếu của HAH	892.000.000
		Mua nguyên vật liệu	1.319.116
		Chi phí lãi vay	42.760.367
		Mua khoản đầu tư vào công ty liên kết	47.347.712
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hoá	380.520
		Bán tài sản	1.046.276
		Mua tài sản	983.145
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	3.092.340
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	8.322.127
		Bán hàng hoá	28.948
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hoá	8.958.903
		Cho thuê máy móc thiết bị	1.513.500
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Bán hàng hoá	93.805
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	10.457.625
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Bán hàng hoá	28.948
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hoá	3.555.000

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ Số tiền</i>
<i>Phải thu khách hàng</i>			
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hoá	3.910.500
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hoá	28.948
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Cho vay và lãi vay	28.947
			3.968.395

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

21. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:
(tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ</i> <i>Số tiền</i>
<i>Phải thu khác</i>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chuyển cổ phiếu của HAH	892.000.000
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay và lãi vay	854.036.718
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho vay và lãi vay	388.373.102
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay và lãi vay	253.978.387
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay và lãi vay	243.457.625
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Cho vay và lãi vay	176.000
TỔNG CỘNG			<u>2.632.021.832</u>
<i>Phải trả người bán</i>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Mua tài sản	<u>1.081.459</u>
<i>Phải trả khác</i>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mượn	<u>66.920.722</u>
<i>Vay và nợ dài hạn</i>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay dài hạn	<u>370.151.353</u>

22. CAM KẾT

Như trình bày tại thuyết minh số 15.1, vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Công ty đã công bố phát hành trái phiếu kèm chứng quyền với giá trị là 2.000 tỷ VNĐ. Các trái phiếu này được phát hành cho ECS theo các hợp đồng ký vào các ngày 7 tháng 12 năm 2012, ngày 25 tháng 12 năm 2012 và ngày 27 tháng 12 năm 2012 với số tiền thu được lần lượt là 750 tỷ VNĐ, 450 tỷ VNĐ và 800 tỷ VNĐ. Theo đó, Công ty cam kết với ECS rằng cổ phiếu của Công ty sẽ được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Singapore trước ngày 10 tháng 12 năm 2015.

Trong trường hợp Công ty không đáp ứng đầy đủ các cam kết như trên, bên sở hữu trái phiếu có quyền yêu cầu Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền được tính toán và thống nhất trong hợp đồng phát hành trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản trái phiếu, vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tương đương tiền phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và áp dụng thống nhất các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro bất động sản và rủi ro về giá khác. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các trái phiếu và các khoản vay và nợ.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, tương đương tiền, trái phiếu và các khoản vay và nợ của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	<i>Tăng/ giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
		<i>Ngàn VNĐ</i>
Năm nay		
VNĐ	+300	43.580.810
VNĐ	-300	(43.580.810)
Năm trước (chưa kiểm toán)		
VNĐ	+300	10.560.894
VNĐ	-300	(10.560.894)

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty không trình bày phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và cho vay đến các công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và có nhân viên kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Ngàn VNĐ</i> <i>Tổng cộng</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Các khoản vay và nợ	-	1.046.146.947	1.046.146.947
Trái phiếu kèm chứng quyền	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải trả người bán	1.121.459	-	1.121.459
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	75.060.623	-	75.060.623
TỔNG CỘNG	76.182.082	3.046.146.947	3.122.329.029
Ngày 31 tháng 12 năm 2011 <i>(chưa kiểm toán)</i>			
Các khoản vay và nợ	-	571.067.853	571.067.853
Phải trả người bán	4.785.172	-	4.785.172
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	107.353.965	-	107.353.965
TỔNG CỘNG	112.139.137	571.067.853	683.206.990

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị Ngàn VNĐ
	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (chưa kiểm toán)	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (chưa kiểm toán)	
Tài sản tài chính					
Phải thu khách hàng	10.010.000	3.910.500	10.010.000	3.910.500	
Khoản phải thu bên liên quan	2.635.990.227	1.293.470.922	2.635.990.227	1.293.470.922	
Phải thu khác	3.127.173	5.094.205	3.127.173	5.094.205	
Tiền và khoản tương đương tiền	1.452.863.327	352.166.849	1.452.863.327	352.166.849	
TỔNG CỘNG	4.101.990.727	1.654.642.476	4.101.990.727	1.654.642.476	
Nợ phải trả tài chính					
Các khoản vay và nợ	2.675.995.594	571.067.853	2.675.995.594	571.067.853	
Vay của bên liên quan	370.151.353	-	370.151.353	-	
Phải trả bên liên quan	68.002.181	110.525.620	68.002.181	110.525.620	
Nợ phải trả ngắn hạn khác	8.179.901	1.613.517	8.179.901	1.613.517	
TỔNG CỘNG	3.122.329.029	683.206.990	3.122.329.029	683.206.990	

Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Vào ngày 3 tháng 4 năm 2015, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900712753 - điều chỉnh lần thứ mười một, chấp thuận việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai thành Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

Theo Nghị quyết số 03/04/15/NQHĐQT-HAGL của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ngày 3 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị thống nhất chủ trương niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và việc niêm yết này dự kiến hoàn thành vào cuối tháng 7 năm 2015.


Ngoài sự kiện nêu trên, không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng này.



Nguyễn Thị Hải Yến
Người lập



Đỗ Văn Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng
Giám đốc

Ngày 10 tháng 6 năm 2015